

Một vài chàng trai của những người đã di cư vào miền Nam



Kỳ 1 u Chính, tháng 8, 2004

“Là con út trong ba anh chị em, tôi được bố thương yêu nhất. Suốt thời niên thiếu, tôi chỉ biết có bố. Bố tôi quyệt đến vào Nam. Những đêm trước ngày ra đi, anh tôi bỏ nhà trốn ra khu theo phong trào thanh niên cứu quốc. Anh Lân là con trai duy nhất của bố, năm đó mới 20 tuổi. Sáng hôm sau, chỉ còn hai bố con ra phi trường Bạch Mai, Hà Nội. Hàng ngàn người già trẻ lớn bé nườm nượp đi lại liến thoắng, chỉ để đi đến được lên máy bay di cư vào Nam. Mỗi tôi cúi ngày mặt tôi nhìn bố con tôi. Bố thấy tôi lên máy bay rồi bố tôi nói: *con vào Nam trốn, bố đi tìm anh Lân rồi sẽ vào sau*. Tôi là khóc cả nhào ra với bố, những bố nắm đông xô lớn đẩy lui. Cửa máy bay đóng xếp xuống. Đó là lần cuối, tôi được nhìn thấy bố.

Lớn dần xa bố, lớn dần xa nhà, lớn dần đi máy bay. Tôi ngồi co rúm trên sàn máy bay với những nhà binh Pháp, suốt chuyến bay nôn ói khóc suốt mấy giờ đầu đám người chen chúc ngột ngạt... Tôi chỉ biết thở dài. Hy vọng mong đợi... Tôi đem theo ngày cho tôi buổi phát thanh cuối cùng của đài Pháp Á loan tin thời hạn 300 ngày đã hết... Tôi òa khóc. Bức màn tre đã xếp xuống, chia đôi đất nước ngăn cách bố con tôi. Năm mười năm sau cuộc di cư đã qua. Bố tôi đã chết. Anh tôi đã chết. Những người di cư thời năm mười năm trước đã ra đi vĩnh viễn. Thế họ tôi cũng sắp ra đi. Xinthrop một nén nhang cho những người quá cố. (Trích *50 năm Bức Kỳ di cư 1954-2004*, trang 82-83)

Nguyễn Duy Chính

“Cho đến giờ phút này tôi vẫn không sao hiểu được tại sao gia đình tôi lại di cư vào miền Nam. Mà nào có phải ra đi một cách thoải mái, dẫu dàng gì, trốn qua chín chốt, một sông, ba biển đến một đất đứ nhau xuống Hải Phòng... hôm đó, cha tôi chỉ hai anh em trên xe đạp từ làng lên Thành phố nói đùa là đưa chúng tôi sang làng Nà ăn gì. Mẹ tôi và đứa em út phải đi để cho người ta tin rằng chúng tôi không có âm mưu trốn đi. Lên Sơn Tây, chúng tôi lên xe với Hà Nội, có chú tôi chỉ số, đi những chốt sau ra được đến thu xếp cho gia đình xuống Hải Phòng. Đến năm 1955, một ít ngày trước khi thời hạn di cư chấm dứt thì mẹ tôi ôm đứa em trai đi thoát. Gia

đình tôi phải đi làm nhiệm vụ đột ngột nên mãi lâu mới được nghỉ.
Chúng tôi lại bị ngưng bặt nhau xuống tận dưới hầm để chờ đợi ra ngoài. Chỉ có một người đó là công nhân binh Pháp đi theo bộ phận Phòng đôn bộ phận Sài Gòn một tuần 3 ngày, hai đêm, sau đó có xe cam nhông chở vào trại di cư Phú Thọ cũng như trại giam đưa, xuống trại giam Bách Khoa ngày nay...

Quy tắc nghiêm ngặt của gia đình tôi không để trí tuệ và kinh nghiệm để bỏ rơi ra đi nhằm mục đích tìm tự do, hay chính nghĩa theo phần rành Quốc Cộng. Chúng tôi quy định hoàn toàn do bộ phận lãnh đạo, theo linh tính như những con thú đánh hổ thì hổ hiềm nguy, đứng trước là sợ súng, đứng sau là sợ chết. Hình ảnh đó tôi thấy trên khuôn mặt những người dân họ hàng họ đi tù năm 1975. (*Trích 50 năm Bức Kỳ di cư*, trang 69-70)

Đi tù nhìn lại N.N.T

Cha tôi bị Việt Minh giết. Ông, bị Việt Minh giết. Anh tôi, vì là người phòng vệ Giám mục Phạm Ngọc Chi nên tính mạng luôn bị đe dọa. Thời gian đình chiến, Việt Minh công khai hoạt động. Chúng ta bị ngưng bặt cuộc gia gán cho theo Tây theo Pháp hay theo Kitô giáo. Chúng ta những thành phần này là phần đứng. Có những người chúng ta đem theo giáo mác, súng ống, gậy gộc, xiên nhọn, đi theo nhà tù, chúng ta ở trên nhà dột nát, bụi tre, đứng trên rừng để tìm kiếm. Vào một buổi chiều, đi gia đình tôi gồm 9 người chúng ta ở nhà. Tôi nhà đứng đầu đi mua thuốc cho đi cách xa chợ bộ phận cây s. Không ai nói với ai, cứ đi theo người đi trước mình... Thuyền đứng ở bộ phận ngay sau đó. Chúng ta ở 30 thuyền lên dênh trên sông Hồng. Những thuyền chúng ta cho biết để an toàn những nguy hiểm đã qua. Nghe thấy, mọi người trên thuyền đứng xuống. Xa xa, có những ánh sáng như thiên đàng chờ đón người đi tù như chúng tôi. Càng chèo thì ánh sáng càng tối hơn. Những người đi tù chúng ta, ánh sáng tỏa ra như một thành phố trước mắt. Đi với tôi, đó là một thiên đường... (*Trích Đi tù nhìn lại*, trong *50 năm Bức Kỳ di cư*, trang 64)

Ghi lại một vài chuyện tôi đi với những người còn ở lại miền Bắc

Phải xin thú tội với lòng mình rằng khi viết về cuộc di cư 1954-1955, tôi chỉ nghĩ đến những kẻ ra đi, đến những người đi cư đã rời bỏ miền Bắc vào miền Nam. Nghĩ đến tâm trạng của họ, đến nỗi lo âu khổ cực cũng như gánh nặng của họ và lòng quy phục tâm của họ.
Có nghĩa là coi về di cư chỉ là tiếp liên hệ đến kẻ ra đi mà không liên quan gì đến kẻ ở lại.

Sách viết về cuộc di cư cũng chỉ viết về kẻ đã ra đi. Không một ai nghĩ đến kẻ ở lại nghĩ gì, sống ra sao, có hạnh phúc gì? Đây là một thiếu sót của những kẻ khai bút. Những mặt khác, người đi cư bỏ miền Bắc ra đi không thể nghĩ hay viết thay cho người ở lại. Vì thế, người viết xin ghi lại một vài tâm tình của một vài người ở lại đã ở lại miền Bắc sau 1954.

Chuyện tôi thấy nhất

“Sau thời hạn 300 ngày, gia đình tôi đã quy tập đến nhà ở tại Hà Nội. Đúng ra là gia đình tôi có người ở ở quê, có người ở ra đi. Phần không nhà đã di cư. Chẳng hạn, ông anh tôi là thi sĩ u úy, sĩ quan, cùng khóa 4, Thủ Đức với ông Thi sĩ u nên đã theo quân đi vào miền Nam. Sau này lên Trung tá và hiện nay đang sinh sống ở Hoa Kỳ. Trong gia đình có kẻ đi người ở nên đưa đến phân chia lại Nam Bắc trong mấy chục năm trời. Đó cũng là bất hạnh của nhiều gia đình. Mẹ tôi hiện đó 54 tuổi, Bố tôi 56, thây mình đã già. Vì thế quy tập đến nhà ở. Quy tập đến nhà ở của gia đình tôi không phải vì lý do chính trị gì cả, chỉ là lý do gia đình.

Ông bố tôi thì nghĩ rằng, gia đình mình là dân lao động, chẳng có gì cũng không sao, hãy đi yên, không làm gì nên ở quê.

Phần cá nhân tôi thì tôi cũng muốn đi vào miền Nam một chuyến, muốn đi để thay đổi vì tò mò muốn biết miền Nam như thế nào. Tôi có người bạn là anh Nguyễn Ngọc Bích, anh và gia đình quy tập đến miền Nam và có rủ tôi đi theo. Nhưng tôi đã quy tập đến nhà ở theo gia đình. Mẹ cứ dúi tôi có đi đâu kiêu đi. Lúc đó tôi 15 tuổi rồi.

Mẹ cứ không đi vào Nam, nhưng nhà mấy người lúc bấy giờ, chúng tôi rất hoang mang. Trăn trở gì đây hay . Mẹ và gia đình lại mấy người trẻ tuổi học tập. Người quy tập đến miền Nam ra đi thì lo bán hàng, bán táng thế gì có thể bán được. Chẳng trừ mấy cái ra thì nhiều người, kẻ buôn, người bán.

Riêng trẻ tuổi học tập tôi còn mê mấy ông B đi thây học lý tưởng quá, mấy vị nhà đại động cơ m nhóc, làm tôi bà con phải học học cơ m nhóc. Nhưng đến đến thì bố mẹ tôi cũng sẵn sàng đi ra.



Cả cách ruộng đất, dúi tôi

Các ông bố tôi dúi tôi loa phóng thanh ở mấy góc phố. Đó là nói phiến và nói bực mình cho chúng tôi. Mẹ sáng các loa phóng thanh đó cứ rót vào tai, bố tôi phải nghe. Đó là lời tuyên truyền của họ, không nghe cũng phải nghe.

Bố tôi mấy người, công an nay có thể xông vào nhà khám xét bố tôi lúc nào. Nhất là sau giai đoạn Tịch Trung cộng và Hợp tác hóa với chế độ tem phiếu. Họ bố tôi siết chặt rồi. Người dân cảm thấy mình bị kẹt, bị sa vào cái lưới thiên la địa võng. Nhưng trẻ quá rồi. Muốn trốn đi, nhưng không được nữa rồi.

Nghĩ về thân phận mình và số phận của hàng ngàn người di cư, tôi thấy người di cư là những người

may mắn quá. Và chúng tôi thì không được cái may mắn như họ. Tôi được gì được rồi vào số phận như họ. Tôi nhiên là có số so sánh giữa họ và tôi. So sánh để thấy họ có cái may mà mình không có được. Tôi đó, không khi nào vào tâm trạng tiêu cực như họ. Cũng chẳng phải mình có tâm trạng đó, nhất là ông bà của tôi. Ông của tôi đau khổ, vì đau bắt tay vì đã không chịu đi về miền Nam. Trong bệnh viện, không ai được nói xa gần đến quy định để nh sai lầm đã rồi, đến truy vấn xa. Mọi quy định để nh làm ông ân hận của đời, nhất là giữa họ và tôi.

Chẳng phải mình có gia đình tôi họ của ông của tôi như họ. Tôi nghĩ bọn bè tôi họ của người dân Hà Nội nói chung, họ cũng có tâm trạng như chúng tôi, nhưng không tiện nói ra. Mọi người đều vô cùng đau khổ, nhưng biết trách ai bây giờ. Người ta so sánh và tiêu cái thì tây như mọi thiên đường. Nghĩ thì đời sống thoải mái, no đủ, mặc dù có làm bèo cho Tây cũng sống hạnh phúc.

Trong khi đó, miền Nam thì xa vắng như mọi thứ gì mình có trong trí tưởng tượng. Báo chí Hà Nội hay đài phát thanh nói về Thủ Đức bẹp xẹp, chết ngộp và vô số. Giáo phái đánh nhau với quân chính phủ của ông Ngô Đình Diệm. Tình hình trong đó rồi loạn. Người đi về phần như gió thổi, vào đó phải sống khổ như khổ. Thanh niên thì bắt đầu đi đến các đơn vị cao su lao động, bắt bóc lột. Nhưng trong tình hình mọi ngày mọi người bắt bóc lột, đời sống khó khăn. Nhiệm vụ người bàn tính đến chuyển mình vào miền Nam? Nhưng không đời gì trở về được. Nói họ ra mọi thứ là bắt bắt lại.

Chẳng may, năm 1961, tôi bắt đầu đi tù. Trong nhà tù, tôi thấy người ta bắt bắt đông lắm, không tưởng tượng nổi là có cả ngàn người, nhất là giữa thanh niên bắt bắt vì muốn trở về miền Nam. Chúng ta bàn bắt cũng bắt bắt vào tù và bắt ghép vào tội: trở về theo địch. Nhưng nhất cũng bắt 5 năm tù. Nhưng có thể hình.

Nhưng trong họ ông Trần Văn Thu, ông của họ thuyết phục trở về miền Nam, nên ông bắt bắt ra xa bắt. Và đó là trong họ mê vào Sài Gòn nên có câu: *Sài Gòn ơi, ta chết vì người.* Nhưng lúc người trong tù, tôi nghĩ thà có bắt bắt tay, bắt tàn tật mà đi được cũng đi. Chán quá rồi. Cho nên, dù có bắt tàn tật vẫn còn là mọi may mắn hơn là phải rồi về rồi sống khổ. Vì thế ra ngoài đời này, tôi mong mọi được bào mình hiểu rồi, dù may mắn đi về vào được miền Nam hay dù phải rồi về miền Bắc thì tâm trạng của cả hai miền cũng không khác gì nhau. Ai cũng chán ghét sống khổ. Ai đi được thì mừng cho họ. Ai không đi được thì buồn cho họ. Họ phân biệt của cuộc đời tôi đã phải sống đời khổ, nay còn rồi phải khổ, tôi mong mọi Việt Nam mình thoát khỏi cảnh bèo tàn sống khổ để cho dân chúng hai miền hạnh phúc được tự do, dân chủ. Đời mình đã không được được. Hy vọng thế họ sau, thế họ con cháu mình có cái hạnh phúc của đời họ hạnh phúc.

Chẳng phải thế hai

Cuộc Di Cư 54-55 đã ghi dấu ấn trong lịch sử VN không thể phai nhòa. Nó không chỉ ranh giới giữa sống khổ VN với những người Việt quốc gia, để hình thành một nền văn minh hòa non trẻ dân chủ, tự do, nhân ái, nhưng cũng còn đầy rẫy những gian lao, họ rồi về phía Nam. Còn ở miền Bắc tôi, nhà bệnh viện sống khổ đã từng xét bệnh mãn chiêu bài dân tộc, rồi trở về bắt bắt tài, khát máu, chuyên chính vô số theo sống khổ Tàu. Họ phát huy rồi đa cao trào rồi cách ruộng đất m máu, tàn ác, bắt nhân. Đã phá vỡ kiến trúc xã hội ngàn năm văn hóa,

Nhìn lại cuộc di cư 1954-1955 (Kể)

Tác Giả: Nguyễn Văn Lạc

Thứ Tư, 22 Tháng 10 Năm 2008 13:09

tôn giáo, tôn ti trật tự khắp nông thôn dần dần thành.

Cuộc di cư vào Nam hồi 54-55 của những người miền Bắc là một sự lựa chọn đúng đắn và dũng cảm. Họ đã vượt rượt rùi bỏ quê hương, nơi tiên họ đã bao đời sinh sống. Nơi tiếp nhận mới đất, ruộng cấy, bãi cây cũng chửa đầy máu, nước mắt, mồ hôi của những ông cha. Họ ra đi như một khối người đồng nhất và quy tụ liệt. Không thấy sống chung với cộng sản. Dù ở trên đất mới, có thể còn đầy rẫy khó khăn, chấp chửng bực đời người đất khách, lập quê hương mới. Những người đó, họ đức có tận do, hạnh phúc và nhứt là nhân thân họ đức tôn trọng.

Người đi đã thế. Những thân nhân còn lại chịu khổ nạn bị phân. Họ bị dồn thành những công dân loại hai. Rồi nhieu người bị nhà cầm quyền kéo ra đời tù, tù đầy chửng kém gì những thành phố công hòa đời chửa. Tuy họ không giàu, cũng không có chức tước gì trong thôn xã. Những họ bị tận là có thân nhân vượt thoát di cư vào Nam theo gia đình.

Những gia đình có thân nhân di cư vào Nam thế nhưng không đức vào đời... Không đức nâng đỡ, thăng tiến trong công tác. Nhứt là sau khi có tin tức về những việc bất giác đời, bất kích tận trong Nam gửi ra. Thì những gia đình có thân vượt thoát di cư những người trên đời lạ. Vì lúc nào họ cũng bị theo dõi nghi ngờ về những tin đời có cánh.

Họ sống trong niềm niềm sợ hãi, bất an và nghi ngờ... không kém chi những thành phố đời chửa, công hòa.

Đức bài Di Cư anh viết, tôi thấy người đi đã về mà người ở lại cũng lãnh bao nhiêu hậu quả. Những hậu quả dai đời suốt mấy chục năm kéo theo bao những cảnh đời cùng khổ. Mà chửng gì viết bút nào viết hết. Không biết những người ra đời có hiều cho người ở lại không? Và những việc bài Di Cư không đức cập đời hậu quả của người ở lại là chửa đầy đời. Phải không anh?

Nhân đây tôi cũng chép lại bài thơ về người con gái có chửng theo gia đình vào Nam (Bài thơ khá đức phỉ bỉn, ngân ngữ, hò, vè). Thơ đời rồi nhieu người thu



Sông Tam Bạc (Hội Phòng)

CÔ LÁI ĐÒ

Khoan khoan cô lái đò ơi,
Có còn rặng chèo cho tôi sang nhé.
Khách đông, thuyền đã rời bến,
Nỗi lòng cô gái quay đò, tôi sang.
Nặng thu nỗi đời lu mờ vàng,
Trên sông Tam Bạc (1) nhịp nhàng chèo xuôi.
Môi cô luôn nở nụ cười
Tay cô thoăn thoắt đưa đôi mái chèo.
Mặt thuyền trôi sóng êm reo,
Có dòng nước chảy theo con đò.
Thuyền sang bến bao giờ,
Bến ngóng tôi thuyền ngóng, bàng hoàng.
Cái gì có chèo đò ngang,
Đài bến ngóng mặt trời gian mặt trời ngày...
Thu qua, rời đi xuân nay,
Tình cũ qua bến sông này năm xưa.
Vẫn còn nhớ lại trong mơ,
Vẫn sông, vẫn bến đôi bờ xa.
Vẫn con đò đưa đưa nào,
Vẫn cô gái nhớ, má đào chèo a phai.
Nhớ sao cô khờ thơ dài,
Thuyền thơ nhìn khách ghé hai mặt thuyền.
Nỗi cười tôi cười thơ m, hồn nhiên,
Năm xưa, chèo thuyền trên môi hồng.
Hỏi dò mặt bến sông sang,
Bắt thêm cô đã lấy chèo thu qua.
Đời đang trôi đi như hoa,
Chèo cô theo gió, bến nhà vào Nam.
Đêm thu đời anh trăng vàng,
Đường chèo trên bến, đò ngang đời chèo.
Nỗi non ngăn cách đôi bờ,
Hỏi cầm đò quai bao giờ cho người...

Bài này viết theo thơ lục bát. Tôi nghĩ bình đời mà vẫn đi u như n như n. Tôi không biết tên tác giả nhớ ng thu c lòng thơ thu lên mặt trời.

Vân H

Nhìn lại cuộc di cư 1954-1955 (Kỳ 1)

Tác Giả: Nguyễn Văn Lộc

Thứ Tư: 22 Tháng 10 Năm 2008 13:09

Bài viết này đã đi đä cä mät đän đäng dài, rä qua tät cä nhäng đän đäy cam go và thä thách cäa cuäc di cä năm 1954-1955. Chäc chän còn rät nhiäu đäu chäa nói hät và chäa nói đä. Kinh nghiäm khä đäu cäa hàng trăm ngàn ngä i, bút nào tä cho cùng?

Bä ra ngoài nhäng uän khúc, nhäng tä hiäm, nhäng chuyän cá nhân giäa ngä i väi ngä i, ngay cä nhäng mánh mung vät vän hay có tä chäc cũng không tài nào tránh đä c trong các tä chäc träi tä nän. Räi khi có nhiäu va chäm giäa nhäng kä mäi täi và dân chúng đäa phäng. So sánh có, tä hiäm có, đä kä có, khinh khi có, tránh né nhau cũng có, thù hän nhau cũng có. Tät cä nhäng đäu đó đäu có thä.



Cuäc di cä 1954-1955 là cä häi đä con ngä i có cä may làm ngä i: Räch Bäp

Cũng bä ra ngoài chuyän ăn chän tiän cäu trä, hoäc có nhäng ngä i di cä khai báo đän hai ba län đä nhän tiän cäu trä. Nhäng đäu nhä thä chäc không cän viät ra đây làm gì.

Không kä biät bao träng äi, khó khăn đäng äi tä nän có thä an cä läc nghiäp. Chäng hän, nhä CÁI Sän, ngä i di cä không phäi chä trông vào ba mäu tây đät là có thäng äi đó rung đäi hút thuäc läo. Phäi xoay sä, phäi chät vät làm thêm đä thä đä có thêm thu nhäp gia đän nhä träng rau, hoa mäu, läi cá, nuôi gà vät, heo và trăm thä khác. Và đó mäi là cuäc säng thäc, säng đäch đäng và đäng nghiäa.

Tôi cũng đã nghĩ täi nhäng thành công vä mät chính trä trong thä đäi đäu väi cäng sän mà cuäc di cä này nhä cái tát trái vào mät ngä i cäng sän. Sä läng ngä i di cä khäng lä nhä thä làm thä giäi kinh ngäc và nä phäc đäng thä i tác đäng mänh mä đän thät bäi tinh thän cäa chä nghiäa cäng Sän.

Ngä i di cä, nhäng 80% dân nghèo đã bä mà đi (nhän mänh cäa DCVOnline.net), và bài häc đó cän phäi nhä.

Vä nhä häng cäa ngä i di cä trên mänh đät mäi cho thäy ä thành thä, chä tä 10% đän 20% chät säm, chät säm miän Bäc đã làm nên chuyän län. Nhäng 70% dân nghèo mà 60% là nông dân, 10% là dân thuyän chäi đäu là nhäng dân làm ăn cän cäu, chăm chä (hard-working persons) väi mät näp säng giän đä thu vén, liäu cäm gäp mänh nên ăn ít mà làm nhiäu. Chä mäy lúc mà khá giä và góp phän vào sä thänh väng cäa mänh đät này... Và vä mät xã häi, nó là hiän täng kích cäu thúc đäy nhäng thành phän khác trong xã häi cäng vän lên theo.

Nhìn lại cuộc di cư 1954-1955 (Kỳ 1)

Tác Giả: Nguyễn Văn Lộc

Thứ Tư: 22 Tháng 10 Năm 2008 13:09

và có nghĩa lý hơn, vì họ sẽ không cần nhúng sọt tre giúp có tính cách làm phúc nữa. Trên đời a hốt kinh tế, đời u này có nghĩa là trong một ngày gần đây, Nam Việt sẽ có thể xuất tẩu một triệu u năm trăm ngàn đến một triệu, cũng như họ đi tìm kiếm”.

Chúng ta không thể bỏ qua. Chúng ta lúc nào không hay. Các bệnh như toét mắt, ghẻ lở, bệnh cúm, bệnh tiêu chảy cũng là bệnh ngoài da, bệnh thông thường. Bệnh như bệnh thì đành chịu. Chúng ta lúc chết không có miếng đất để chôn, phải chôn ngoài. Cho nên cuộc di cư 1954-1955 đi với nỗi u ám là một sinh linh gì đó thoát con người ra khỏi tăm tối và chết chóc. Cuộc di cư 1954-1955, phải chăng là cuộc hành trình con người có cơ may làm người?

Hết